BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3869/QĐ-TCHQ	*Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định tạm thời về định dạng thông điệp dữ liệu điện tử trao đổi giữa Cơ quan Hải quan và các bên liên quan.

CỤC HẢI QUAN TP. CẦN THƠ
ĐẾN Số: 29
Ngày: 05/01/2010
Chuyển: .....

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 29/06/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan ngày 14/06/2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/06/2006;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29/06/2006.

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong lĩnh vực tài chính;

Căn cứ Thông tư số 222/2009/TT-BTC ngày 25/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thí điểm thủ tục hải quan điện tử;

Căn cứ Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20/04/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này quy định tạm thời về định dạng thông điệp dữ liệu điện tử trao đổi giữa Cơ quan Hải quan và các bên liên quan.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Định dạng dữ liệu khai hải quan từ xa ban hành kèm theo Quyết định số 1447/QĐ-TCHQ ngày 21/08/2007 được hỗ trợ đến hết ngày 31/12/2010.

Điều 3: Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố, thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Các đơn vị thuộc cơ quan TCHQ;
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;
- Website Hải quan;
- Lưu VT, TCHQ (VT, CNTT).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG

Vũ Ngọc Anh

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2009

QUY ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định tạm thời về định dạng thông điệp dữ liệu điện tử trao đổi giữa Cơ quan Hải quan và các bên liên quan

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2869 /2009/QĐ-TCHQ ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về định dạng thông điệp dữ liệu điện tử trao đổi giữa cơ quan Hải quan và các bên liên quan phục vụ cả thủ tục hải quan truyền thống và thủ tục hải quan điện tử.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Các định dạng thông điệp dữ liệu điện tử (đối với loại hình kinh doanh, gia công, sản xuất xuất khẩu, doanh nghiệp chế xuất) và bảng mã chuẩn bắt buộc áp dụng thống nhất trong việc xây dựng hệ thống thông tin Hải quan và các phần mềm kết nối truyền nhận dữ liệu điện tử với hệ thống thông tin Hải quan.

Điều 3: Giải thích các thuật ngữ và khái niệm

Ngôn ngữ XML được áp dụng để trao đổi các thông điệp dữ liệu điện tử giữa hệ thống thông tin của cơ quan Hải quan và hệ thống thông tin của các bên có liên quan.

XML (Extensible Markup Language - ngôn ngữ nâng cấp có thể mở rộng): là một bộ qui luật về cách chia một tài liệu ra làm nhiều phần, rồi đánh dấu và ráp các phần khác nhau lại để dễ nhận diện chúng.

Thành phần của một tập tin XML: Là một khối tạo thành tập tin XML bắt đầu bằng 1 thẻ mở, và kết thúc bằng thẻ đóng cùng tên, theo công thức.

Thuộc tính của 1 thành phần: cung cấp thông tin bổ sung về thành phần đó. Và luôn được đặt bên trong thẻ của thành phần đó.

Một tập tin XML trao đổi dữ liệu điện tử giữa cơ quan hải quan và các bên liên quan được gọi là hoàn chỉnh và hợp lệ nếu nó không vi phạm các qui tắc về cú pháp và cấu trúc các thông điệp dữ liệu tại quy định này.

Chương II
QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

Điều 4: Cấu trúc thông tin khai hải quan

Toàn bộ thông tin khai gửi đến cơ quan Hải quan phải theo định dạng XML và có cấu trúc như sau:

```
<?xml version="1.0" encoding="UTF-8" ?>
<Envelope xmlns:xsi="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance">
 <Header>
    <Reference>
       <version>2.00</version>
       <messageID>21607CB5-3000-4152-9407-081B771D2FB8</messageID>
    </Reference>
    <SendApplication >
        <name />
        <version />
        <companyName />
        <companyIdentity />
        <createMessageIssue />
       <Signature>
          <data />
          <fileCert />
       </Signature>
   </SendApplication>
   <From>
        <name>Tong Cong ty XXX</name>
        <identity>0100101308</identity>
   </From>
   <To>
        <name>Chi cục Hai quan XXX</name>
        <identity>E03E</identity>
   </To>
   <VAN>
      <name>Cong ty YYY</name>
      <identity>YYY-VAN</identity>
   </VAN>
   <Subject>
      <type>929</type>
      <function>8</function>
```

```
        <reference>27586BA2175D48A79126C3BC9D4BC76F</reference>
    </Subject>
</Header>
<Body>
    <Content>
        <Declaration />
    </Content>
    <Signature>
        <data />
        <fileCert />
    </Signature>
</Body>
</Envelope>
```

Trong đó:

a. Nội dung trong tag Header:

- Tag <Reference>: Chứa thông tin về thông điệp, bao gồm:

+ Tag <version>: Thông tin về phiên bản thông điệp;

+ Tag <messageID>: Thông tin định danh thông điệp.

- Tag <SendApplication>: Thông tin về ứng dụng khai báo gồm:

+ Tag <name>: Tên phần mềm;

+ Tag <version>: Phiên bản phần mềm;

+ Tag <companyName>: Tên công ty cung cấp phần mềm;

+ Tag <companyIdentity>: Mã công ty cung cấp phần mềm;

+ Tag <createMessageIssue>: Ngày giờ tạo thông điệp;

+ Tag <Signature>: Thông tin về chữ ký xác thực của phần mềm.

- Tag <From>: Định nghĩa thông tin về doanh nghiệp gửi dữ liệu gồm tên doanh nghiệp và mã số xuất nhập khẩu.

- Tag <To>: Định nghĩa thông tin về nơi mở tờ khai gồm tên hải quan và mã hải quan.

- Tag <VAN>: Định nghĩa thông tin về doanh nghiệp đứng ra làm vai trò trung gian trong truyền nhận dữ liệu gồm tên doanh nghiệp và mã số doanh nghiệp.

- Tag <Subject>: Chứa thông tin các tag sau:

+ Tag <Type>: Định nghĩa loại dữ liệu gửi đến cơ quan Hải quan như tờ khai, định mức,...;

+ Tag <function>: Định nghĩa chức năng của thông điệp gửi đến cơ quan Hải quan: như khai hải quan, hủy khai báo,...;

+ Tag <reference>: Định nghĩa số tham chiếu của chứng từ. Số tham chiếu do chương trình doanh nghiệp gửi lên hệ thống của hải quan. Số tham chiếu được xây dựng theo quy định về GUID (Globally Unique Identifer). Giá trị này có thể tạo ra bằng cách sử dụng hàm System.GUID.New() trong Microsoft.NET hoặc hàm NewID() tromg Microsoft SQL Server.

b. Nội dung trong tag Body:

- Tag <Content> thuộc Tag <Body> định nghĩa toàn bộ nội dung chi tiết của chứng từ gửi tới cơ quan Hải quan (Nội dung chi tiết của các chứng từ đối với loại hình kinh doanh, gia công, sản xuất xuất khẩu, doanh nghiệp chế xuất được mô tả trong Phụ lục II).

- Tag <Signature>: Chứa nội dung chữ ký số để xác thực cho nội dung thông tin trong Tag <Content>.

Điều 5: Cấu trúc thông tin phản hồi của Hải quan

Toàn bộ thông tin phản hồi của cơ quan Hải quan phải theo định dạng XML và có cấu trúc như sau:

```
<?xml version="1.0" encoding="UTF-8" ?>
<Envelope xmlns:xsi="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance">
 <Header>
    <Reference>
       <version>2.00</version>
       <messageID>21607CB5-3000-4152-9407-081B771D2FB8</messageID>
    </Reference>
   <SendApplication >
       <name>ECS</name>
       <version>2.1</version>
    </SendApplication>
   <From>
       <name>Chi cục Hai quan XXX</name>
       <identity>E03E</identity>
    </From>
   <To>
       <name>Tong Cong ty XXX</name>
       <identity>0100101308</identity>
   </To>
   <VAN>
       <name>Cong ty YYY</name>
       <identity>YYY-VAN</identity>
    </VAN>
   <Subject>
       <type>929</type>
       <function>29</function>
       <reference>27586BA2175D48A79126C3BC9D4BC76F</reference>
    </Subject>
```

```
</Header>
<Body>
    <Content>
        <Declaration />
    </Content>
    <Signature>
        <data />
        <fileCert />
    </Signature>
</Body>
</Envelope>
```

Trong đó:

a. Nội dung trong tag Header:

- Tag <Reference>: Chứa thông tin về thông điệp, bao gồm:

+ Tag <version>: Thông tin về phiên bản thông điệp;

+ Tag <messageID>: Thông tin định danh thông điệp.

- Tag <SendApplication>: Thông tin về ứng dụng Hải quan gồm:

+ Tag <name>: Tên phần mềm;

+ Tag <version>: Phiên bản phần mềm;

- Tag <From>: Định nghĩa thông tin về nơi mở tờ khai gồm tên hải quan và mã hải quan.

- Tag <To>: Định nghĩa thông tin về doanh nghiệp gửi dữ liệu gồm tên doanh nghiệp và mã số xuất nhập khẩu.

- Tag <VAN>: Định nghĩa thông tin về doanh nghiệp đứng ra làm vai trò trung gian trong truyền nhận dữ liệu gồm tên doanh nghiệp và mã số doanh nghiệp.

- Tag <Subject>: Chứa thông tin các tag sau:

+ Tag <type>: Định nghĩa loại dữ liệu gửi đến cơ quan Hải quan như tờ khai, định mức,...;

+ Tag <function>: Định nghĩa chức năng của thông điệp trả lời (từ chối, chấp nhận và cấp số tiếp nhận,...);

+ Tag <reference>: Định nghĩa số tham chiếu của chứng từ.

b. Nội dung trong tag Body:

- Tag <Content> thuộc Tag <Body> định nghĩa toàn bộ nội dung chi tiết thông tin phản hồi của cơ quan Hải quan (Nội dung chi tiết của các thông điệp phản hồi của cơ quan Hải quan được mô tả trong Phụ lục II).

- Tag <Signature>: Chứa nội dung chữ ký số để xác thực cho nội dung thông tin trong Tag <Content>.

Điều 6: Mô hình trao đổi dữ liệu

Mô hình trao đổi dữ liệu trực tiếp giữa người khai hải quan và cơ quan Hải quan được chi tiết tại Phụ lục IV Quy định này. Trường hợp trao đổi thông tin qua tổ chức C-VAN thì C-VAN đóng vai trò tiếp nhận và phản hồi thông tin như cơ quan Hải quan trong trường hợp trao đổi trực tiếp. Việc trao đổi thông tin giữa cơ quan Hải quan và C-VAN sẽ được Tổng cục Hải quan quy định trong từng trường hợp cụ thể.

Điều 7: Danh sách các loại thông điệp dữ liệu và chức năng thông điệp

Các loại thông điệp dữ liệu và chức năng của thông điệp được định nghĩa chi tiết tại Phụ lục V Quy định này.

Điều 8: Các kiểu dữ liệu

- a: kiểu chữ cái;
- n: kiểu chữ số;
- an: kiểu xâu ký tự bao gồm cả chữ cái và chữ số;
- aX: kiểu xâu ký tự chỉ bao gồm chữ cái có độ dài X ký tự;
- a..X: kiểu xâu ký tự chỉ bao gồm chữ cái có độ dài tối đa X ký tự;
- nX: kiểu số có độ dài X chữ số;
- n..X: kiểu số có độ dài tối đa X chữ số;
- anX: kiểu xâu ký tự bao gồm cả chữ cái và số có độ dài X ký tự;
- an..X: kiểu xâu ký tự bao gồm cả chữ cái và số có độ dài tối đa X ký tự;
- n..X,Y: kiểu số có độ dài tối đa X chữ số, trong đó có tối đa Y chữ số thập phân.

Điều 9: Lời gọi hàm gửi, nhận thông tin

Việc truyền nhận thông tin đối với hệ thống thông tin Hải quan được thực hiện thông qua Webservice, cụ thể như sau:

a. Mô tả Webservice

Chi tiết tại Phụ lục I Quy định này.

b. Lời gọi hàm trong Webservice

- Việc gửi thông tin đến cơ quan Hải quan sẽ được thực hiện thông qua lời gọi hàm Send trong Webservice, cụ thể như sau:

Resp= **Send (MessageXML, UserID, Password)**

Trong đó:

+ MessageXML: là thông tin (ở dạng cấu trúc XML) cần gửi đến cơ quan Hải quan;

+ UserID: Tên dùng để kết nối vào hệ thống của cơ quan Hải quan (do cơ quan Hải quan cấp);

+ Password: Mật khẩu dùng để kết nối vào hệ thống của cơ quan Hải quan (do cơ quan Hải quan cấp).

- Việc nhận thông tin phản hồi từ cơ quan Hải quan sẽ được thực hiện thông qua lời gọi hàm Request trong Webservice, cụ thể như sau:

Resp= **Request (MessageXML, UserID, Password)**

Trong đó:

+ MessageXML: là thông tin (ở dạng cấu trúc XML) cần gửi đến cơ quan Hải quan;

+ UserID: Tên dùng để kết nối vào hệ thống của cơ quan Hải quan (do cơ quan Hải quan cấp);

+ Password: Mật khẩu dùng để kết nối vào hệ thống của cơ quan Hải quan (do cơ quan Hải quan cấp).

Điều 10: Danh mục dữ liệu chuẩn

Danh mục dữ liệu chuẩn sử dụng trong trao đổi dữ liệu bao gồm:

- Danh mục đơn vị Hải quan;
- Danh mục mã loại hình xuất khẩu, nhập khẩu;
- Danh mục mã nước xuất khẩu, nhập khẩu và nguyên tệ;
- Danh mục mã đơn vị tính;
- Danh mục mã cửa khẩu xuất khẩu, nhập khẩu;
- Danh mục mã phương thức thanh toán;
- Danh mục mã điều kiện giao hàng;
- Danh mục mã phương tiện vận tải.

Nội dung các danh mục dữ liệu chuẩn được chi tiết tại Phụ lục III Quy định này.

Tổng cục Hải quan thông báo nội dung và những sửa đổi, bổ sung (nếu có) các danh mục dữ liệu chuẩn trên Website Hải quan.

Điều 11: Quy định về đảm bảo an ninh, an toàn trong trao đổi dữ liệu điện tử

Về chữ ký số: Nội dung các thông điệp dữ liệu phải được ký bằng chữ ký số. Các quy định kỹ thuật cụ thể về việc áp dụng chữ ký số sẽ được Tổng cục Hải quan thông báo vào thời điểm thích hợp.

Về mã hóa: Áp dụng mã hóa trên đường truyền theo giao thức HTTPs.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ XÂY DỰNG PHẦN MỀM KẾT NỐI, TRAO ĐỔI, XỬ LÝ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ VỚI HỆ THỐNG THÔNG TIN HẢI QUAN

Điều 12: Về xây dựng phần mềm

Các doanh nghiệp phải áp dụng đúng các quy định về định dạng thông điệp dữ liệu điện tử tại quy định này khi xây dựng phần mềm kết nối, trao đổi, xử lý dữ liệu điện tử với hệ thống thông tin Hải quan.

Các phiên bản phần mềm phải được đánh số định danh theo một quy định thống nhất của doanh nghiệp xây dựng phần mềm.

Doanh nghiệp xây dựng phần mềm có trách nhiệm cung cấp về phiên bản phần mềm và đối tượng sử dụng tương ứng cho cơ quan Hải quan.

Điều 13: Chứng nhận tương thích trong kết nối, trao đổi, xử lý dữ liệu điện tử với hệ thống thông tin Hải quan

Doanh nghiệp xây dựng phần mềm có trách nhiệm:

- Đăng ký chứng nhận tương thích trong kết nối, trao đổi, xử lý dữ liệu điện tử với với hệ thống thông tin Hải quan;

- Cập nhật kịp thời để đảm bảo tương thích khi có các bổ sung, thay đổi định dạng dữ liệu của cơ quan Hải quan;

- Phần mềm khi thay đổi, cập nhật, bổ sung đều phải đăng ký chứng nhận tương thích trong kết nối, trao đổi, xử lý dữ liệu điện tử với với hệ thống thông tin Hải quan.

Điều 14: Điều kiện đối với các doanh nghiệp xây dựng phần mềm thương mại kết nối, trao đổi, xử lý dữ liệu điện tử với hệ thống thông tin Hải quan

Các doanh nghiệp xây dựng phần mềm thương mại kết nối, trao đổi, xử lý dữ liệu điện tử với hệ thống thông tin Hải quan phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Có thời gian hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin từ 03 năm trở lên;

- Có số lượng nhân viên từ 25 người trở lên trong đó số nhân viên có trình độ kỹ sư, cử nhân công nghệ thông tin trở lên tối thiểu là 15 người;

- Có đội ngũ hỗ trợ khách hàng riêng, đảm bảo hỗ trợ tốt các doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu sử dụng phần mềm khai báo trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan điện tử;

- Khuyến khích các doanh nghiệp đạt được tiêu chuẩn quốc tế về quản lý, vận hành, đảm bảo an ninh an toàn,... trong lĩnh vực công nghệ thông tin (tiêu chuẩn ISO,...).

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15: Trách nhiệm của Tổng cục Hải quan

Tuyên truyền, phổ biến đến các doanh nghiệp xây dựng phần mềm, các doanh nghiệp kinh doanh hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu có đủ năng lực công nghệ thông tin về các định dạng thông điệp dữ liệu và bảng mã chuẩn để thực hiện truyền nhận, xử lý dữ liệu điện tử với cơ quan Hải quan.

Xây dựng phần mềm tiếp nhận, tổ chức vận hành hệ thống truyền nhận, xử lý dữ liệu của cơ quan Hải quan.

Ban hành thủ tục cấp, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận tương thích đối với các phần mềm kết nối thực hiện truyền nhận, xử lý dữ liệu điện tử với cơ quan Hải quan.

Điều 16: Trách nhiệm của người khai hải quan

Người khai hải quan có trách nhiệm:

- Sử dụng đúng phần mềm có bản quyền đã được chứng nhận tương thích trong kết nối, trao đổi, xử lý dữ liệu điện tử với hệ thống thông tin Hải quan;

- Bảo đảm bí mật về tên, mật khẩu và các thông tin có liên quan đến việc trao đổi, xử lý thông tin được cơ quan Hải quan cấp;

- Không sử dụng các phần mềm bất hợp pháp và các hành vi xâm hại khác làm hư hỏng hệ thống máy tính và dữ liệu của cơ quan Hải quan;

- Sử dụng, quản lý tài khoản truy nhập (tên, mật khẩu) theo đúng quy định tại Phụ lục III, Quyết định số 2396/QĐ-TCHQ ngày 09/12/2009 của Tổng cục Hải quan về quy trình cấp phát, quản lý và thu hồi tài khoản truy nhập hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Điều 17: Các quy định khác

Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố căn cứ vào điều kiện thực tế tại đơn vị mình:

- Tuyên truyền phổ biến quy định tạm thời về định dạng thông điệp dữ liệu điện tử trao đổi giữa cơ quan Hải quan và các bên liên quan đến các doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và các doanh nghiệp xây dựng phần mềm đủ năng lực;

- Chủ động áp dụng các biện pháp khuyến khích, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và các doanh nghiệp phần mềm trong xây dựng phần mềm kết nối, trao đổi, xử lý dữ liệu điện tử với hệ thống thông tin Hải quan phục vụ thủ tục hải quan truyền thống và thủ tục hải quan điện tử trên cơ sở các quy định hiện hành của pháp luật.

Các vấn đề vướng mắc phát sinh khi thực hiện đề nghị phản ánh về Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan - Tổng cục Hải quan để được hướng dẫn./.

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG

Vũ Ngọc Anh